

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /9/2023  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ khu vực xưởng in.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Công thoát nước của Khu công nghiệp (KCN) phía Đông Bắc cơ sở.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại 01 điểm xả vào công thoát nước của KCN phía Đông Bắc cơ sở.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2262749$ ;  $Y(m) = 0572519$  (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $60 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy theo đường ống HPVC D110 dài 150 m thải ra công thoát nước của KCN nằm trên đường D3 phía Đông Bắc cơ sở theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng  $C_{\max} = C \times K_f \times K_q$ ;  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ;  $C_{\max} = C$  đối với các thông số: pH, màu, coliform), cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)	
			Giá trị C	Giá trị $C_{\max}$
1	Màu	-	50	50
2	pH	mg/l	$6 \div 9$	$6 \div 9$

3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	49,5
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30	29,7
5	COD	mg/l	75	74,25
6	Tổng Phenol	mg/l	0,1	0,099
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	4,95
8	Sunfua	mg/l	0,2	0,198
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	3,96
10	Tổng Nitơ	mg/l	20	19,8
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	9,9
12	Coliform	VK/100ml	3.000	3.000

(Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất)

Ghi chú:

-  $C_{max}$  là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn và nước thải khu vực nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu vực xưởng in (rửa bản in, rửa tay, vệ sinh dụng cụ dính mực in) được thu gom bằng đường hệ thống ống nhựa PVC Ø110 và hố ga về thiết bị xử lý sơ bộ nước thải xưởng in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ

+ Quy trình công nghệ xử lý của thiết bị xử lý nước thải xưởng in: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Ngăn keo tụ → Ngăn tạo bông → Ngăn lắng → Bể trung gian → Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng

→ Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Thiết bị khử trùng → Hồ ga chứa nước thải sau xử lý (nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A) → Cống thoát nước của KCN Mỹ Trung.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý nước thải xường in và hệ thống xử lý nước thải tập trung được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)

- Công suất thiết kế
- + Thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hóa chất sử dụng
- + Thiết bị xử lý nước thải xường in: Polimer (PAA) và PAC (hóa chất keo tụ, tạo bông) 200 kg/năm.
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Sô đa 200 kg/năm; mật ri (nuôi vi sinh) 100 kg/năm; Javen 100 kg/năm.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.
- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty sẽ đóng cửa van xả nước thải ra cống thoát nước của KCN. Sau đó cử cán bộ kiểm tra nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống vận hành trở lại.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Đối với thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: 01 mẫu tại hồ ga thu gom nước đầu vào của thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- + 01 mẫu tại hồ ga thu gom nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ 01 mẫu tại hồ ga chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi thải vào cống thoát nước của KCN Mỹ Trung.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định (lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp): Tiến hành lấy mẫu đơn với 01 mẫu tại hố ga thu gom nước đầu vào của thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 01 mẫu tại hố ga thu gom nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 03 mẫu đầu ra tại hố ga chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra cống thoát nước của KCN Mỹ Trung.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

### 3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Mỹ Lộc để kịp thời xử lý./.